



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

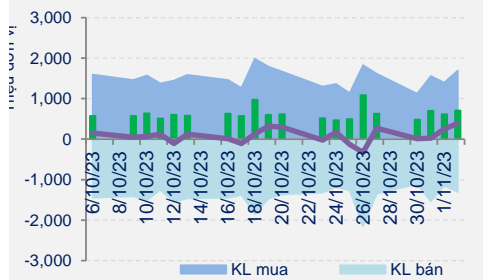
2/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

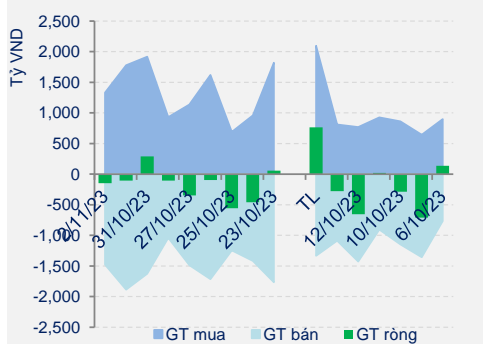
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,075.47	217.97
% Thay đổi	↑ 3.44%	↑ 3.97%
KLGD (CP)	703,453,494	126,880,483
GTGD (tỷ đồng)	14,610.99	2,179.70
Tổng cung (CP)	1,302,937,421	140,714,600
Tổng cầu (CP)	1,693,707,984	157,468,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,036,631	1,546,361
KL mua (CP)	46,879,517	11,257,750
GT mua (tỷ đồng)	1,331.17	198.29
GT bán (tỷ đồng)	1,478.22	28.74
GT ròng (tỷ đồng)	(147.05)	169.55

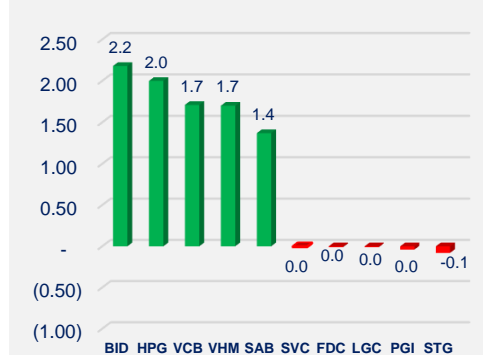
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường đón nhận thông tin Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) nhất trí giữ lãi suất chuẩn trong phạm vi 5,25% đến 5,5% từ tháng 7 đến nay. Đây là lần thứ 2 liên tiếp mà FOMC đưa ra quyết định này sau 11 đợt tăng lãi suất, trong đó có 4 lần thực hiện vào năm 2023. Ngoài ra, FOMC cũng nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ. Thông báo đưa ra sau cuộc họp chỉ ra rằng “hoạt động kinh tế đã tăng trưởng mạnh trong quý III”, trong khi tăng trưởng cơ quan này cho biết kinh tế Mỹ mở rộng với “tốc độ vững chắc”. Lợi tức trái phiếu Mỹ kỳ hạn 10 năm đã giảm sau thông tin này sau khi đã tăng lên mức cao nhất kể từ năm 2007.

Tâm lý thị trường cải thiện tốt hơn trước thông tin này, tiếp xu hướng phục hồi tốt phiên trước, VN-INDEX mở phiên tăng điểm mạnh lên vùng 1.050 điểm với lực cầu, thanh khoản cải thiện, đà tăng tiếp tục duy trì với thanh khoản gia tăng tốt hơn đến cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX tăng mạnh 35,81 điểm (+3,44%) lên mức 1.075,47 điểm hướng đến vùng giá 1.080 - 1.100 điểm tương ứng vùng giá cao phiên giảm điểm mạnh đột biến ngày 26/10/2023. HNX-INDEX kết phiên cũng tăng mạnh 8,32 điểm (+3,97%) lên mức 217,97 điểm. Độ rộng trên 02 sản phẩm yết tích cực mở rộng sau nhiều phiên chịu áp lực bán mạnh đột biến với 692 mã tăng giá (112 mã tăng trần), 71 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 54 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 16.785,57 tỷ đồng được giao dịch, tăng 15,42% so với phiên trước, cao hơn mức thanh khoản trung bình trong tháng 10/2023, cho thấy dòng tiền ngắn hạn có cải thiện, lực cầu giá lên gia tăng và mức độ phục hồi tốt luân phiên từng nhóm mã sau giai đoạn chịu áp lực bán mạnh, áp lực giải chấp... Nhà đầu tư nước ngoài thì hợp giao dịch, tiếp tục bán ròng với giá trị 147,46 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng mạnh ở nhóm bất động sản, bán lẻ, trong khi mua ròng nhóm thép, hóa chất, dầu khí; mua ròng khá đột biến trên HNX với giá trị 169,55 tỷ đồng, tiếp tục mua ròng đột biến.

Mức độ phục hồi tiếp tục mở rộng ở nhiều nhóm mã, trong đó nhóm mã xây dựng, vật liệu xây dựng phục hồi sớm ngay từ đầu phiên, kết phiên hầu hết tăng giá hết biên độ, thanh khoản gia tăng mạnh tích cực như CTD (+6,96%), C69 (+10,00%), VCG (+7,50%), C4G (+7,00%), PC1 (+6,91%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục tăng giá tốt dưới ảnh hưởng mua ròng mạnh tích cực của khối ngoại, nhiều mã tăng giá mạnh, hết biên độ, thanh khoản cải thiện với SHS (+9,22%), MBS (+7,51%), CTS (+6,99%), VND (+6,92%), FTS (+6,91%), VCI (+6,90%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản sau diễn biến tích cực cuối phiên trước, tiếp tục tăng giá mạnh với thông tin cộng hưởng khi NVL được HOSE đưa ra hồi diện cảnh báo, đa số tăng giá mạnh hết biên độ như NVL (+6,87%), CEO (+9,41%), L14 (+7,84%), NLG (+6,93%), PDR (+6,90%), DXG (+6,82%)... các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng tăng giá tốt, thanh khoản cải thiện như DTD (+9,90%), GVR (+6,94%), LHG (+6,93%), VGC (+6,85%), KBC (+6,74%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bán lẻ, tâm điểm là MWG (+5,41%) sau hai phiên chịu áp lực bán mạnh đột biến, có dấu hiệu chịu áp lực bán giải chấp đã phục hồi tốt trở lại với khối lượng giao dịch đột biến cao nhất lịch sử, DGW (+6,85%), PET (+6,78%), FRT (+5,45%), MSN (+5,38%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 tăng mạnh 39,5 điểm (+3,77%), chênh lệch âm thu hẹp -0,50 điểm so với VN30, khối lượng giảm 3,88% so với phiên trước, trên mức trung bình, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên vẫn ở mức cao, có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ âm -3,90 điểm đến -8,50 điểm, mức chênh lệch thu hẹp, thể hiện các trader đang dần lạc quan hơn với VN30, có thể dịch chuyển về thị trường cơ sở khi có nhiều cơ hội ngắn hạn tốt.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Đà hồi phục tiếp tục được duy trì mạnh mẽ bằng phiên bùng nổ hôm nay, mặc dù VnIndex vẫn đang vận động trong vùng tích lũy cũ nhưng nỗ lực hồi phục mạnh mẽ cũng cố nhận định thị trường sẽ không trở lại downtrend, xu hướng tiếp theo sẽ hướng đến hồi phục và tìm đến điểm cân bằng để hình thành nền tích lũy mới. Chốt phiên giao dịch VnIndex tăng 35,81 điểm (+3.44%) và đóng cửa ở 1.075,47 điểm. Với trạng thái hồi phục khá tích cực chúng tôi cho rằng khu vực cân bằng mới để tích lũy lại sẽ có 2 vùng tiềm năng là 1.000 điểm - 1.100 điểm và trong trường hợp tích cực hơn sẽ là 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, phiên hồi phục mạnh mẽ đã xác nhận nhận định của chúng tôi là thị trường đã được kích hoạt nhịp hồi phục mới, tuy nhiên nhịp hồi phục này mang tính kỹ thuật bởi VnIndex đã đánh mất xu hướng uptrend đồng thời đà giảm sâu khiến động lực tăng có thể mạnh nhưng không bền vững. Rủi ro ngắn hạn là khá cao bởi VnIndex đã mất xu hướng uptrend nên các nhịp hồi kỹ thuật thường kết thúc bất ngờ khó dự báo.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thị trường được dự báo sẽ tìm kiếm vùng cân bằng mới và tích lũy lại và quá trình này sẽ cần nhiều thời gian. Điểm số Vn-Index đang trở lại khu vực tích lũy trung hạn trước đây (1.000 điểm - 1.100 điểm) và rất có khả năng thị trường sẽ tích lũy lại quanh khu vực này một lần nữa, phù hợp với những diễn biến vĩ mô trong và ngoài nước hiện tại.

Thị trường đang trong nhịp hồi phục kỹ thuật ngắn hạn và với phiên tăng điểm mạnh hôm nay VN-Index đã tiệm cận với ngưỡng kháng cự quanh vùng 1.085 điểm do vậy nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua đuổi ở vùng giá cao. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và chờ đợi thị trường tích lũy ổn định trở lại trước khi xem xét các cơ hội giải ngân thêm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PHR	45.00	43-45	57-59	43	6.9	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	18.60	15-16	24-25	17.5	16.8	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	28.50	25-26.5	31-32	24	15.1	21.6%	-99.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	28.70	25-27	31-32	25	22.3	7.7%	-24.3%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	36.50	30-33	45-46	28	7.9	-29.0%	-52.5%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	23.60	20.5-21.5	26-27	19	16.4	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	29.85	25-27	30-31	22	9.8	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	21.10	17.5-18.5	27-29	19	5.3	-46.7%	-46.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	35.10	30-32	36-37	29	19.0	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	63.50	52-54	62-64	50	8.3	0.6%	4.2%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	30.95	26-28	31-33	24	6.6	-12.5%	-51.6%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	24.30	19.5-21.5	26-27	19	9.5	40.2%	-4.1%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	25.25	22-23.5	27-28	20	78.4	-16.5%	213.0%	Theo dõi chờ giải ngân
CTD	53.80	48-50	65-67	45	38.7	32.5%	1984.0%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	24.35	21-22	27-28	20	8.3	9.5%	-8.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	30.9	25.9	35-37	30	19.3%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	28.5	25.8	31-32	26	10.5%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	24.3	22.3	26-27	22	9.0%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	21.1	18.6	26-27	19	13.4%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	53.8	52	65-67	45	3.5%	Giải ngân giá 52
2/11/2023	PLC	28.7	26.8	30-31	25	7.1%	Giải ngân giá 26.8



TIN VĨ MÔ

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nông, lâm, thủy sản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho biết 10 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 43,08 tỷ USD. Giá trị xuất siêu nông, lâm, thủy sản đạt 9,3 tỷ USD, tăng 26,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Tháng 10, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ước đạt 4,81 tỷ USD, tăng 7,43% so với tháng 9/2023 và tăng 11,9% so với tháng 10/2022; trong đó, nhóm nông sản 2,47 tỷ USD, tăng 31,1% so với tháng 10/2022; chăn nuôi 40 triệu USD, tăng 6%; lâm sản 1,28 tỷ USD, giảm 0,2%; thủy sản 850 triệu USD, giảm 5,9%.

Fed tiếp tục giữ nguyên lãi suất

Ngày 1/11, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất, trong bối cảnh các nhà hoạch định chính sách đang tranh luận liệu các điều kiện tài chính đã đủ thắt chặt để kiểm soát lạm phát hay chưa. Chủ tịch Fed Jerome Powell cho biết, các quan chức ngân hàng trung ương Mỹ sẵn sàng tăng lãi suất một lần nữa nếu tiến trình kiểm soát lạm phát bị đình trệ, đồng thời lo ngại rằng việc tăng lãi suất dựa trên thị trường có thể bắt đầu ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế. Theo ông Powell, các quan chức Fed sẽ cố gắng không gây ra sự xáo trộn nhiều hơn cần thiết đối với quá trình tăng trưởng ổn định về việc làm và mức lương.

Khó hoàn thuế VAT khi đối tác nước ngoài không tồn tại'

Bộ trưởng Tài chính cho biết một số công ty xuất nhập khẩu không thể hoàn thuế VAT do hợp đồng vô hiệu, đối tác nước ngoài được xác định "không tồn tại". Thực tế này được Bộ trưởng Tài chính Hồ Đức Phớc giải trình tại Quốc hội sáng 2/11, trước nhiều ý kiến từ đại biểu phản ánh hoàn thuế VAT quá chậm, gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Theo ông Phớc, đến cuối tháng 10, ngành thuế đã hoàn được 92%, giải quyết được 14.857 hồ sơ hoàn thuế. Hiện còn đọng khoảng 534 hồ sơ, trên 9.100 tỷ đồng.

Gói hỗ trợ lãi suất 2% áp dụng đến hết năm 2023, sau đó huỷ dự toán

Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng phát biểu trước Quốc hội như vậy và nhấn mạnh, số tiền chưa giải ngân sẽ được chuyển nguồn sang cho chính sách giảm thuế VAT và các chính sách hỗ trợ khác. Sau 1,5 ngày thảo luận ở Hội trường Quốc hội về vấn đề kinh tế xã hội và việc thực hiện Nghị quyết 43 về gói tài khoá, tiền tệ thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, chiều 1/11 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng đã có phát biểu tiếp thu, giải trình trước các đại biểu Quốc hội.



TIN DOANH NGHIỆP

Lợi nhuận quý III/2023 giảm 50%, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) chi 1.400 tỷ đồng để chia cổ tức

Ngày 17/11 tới đây, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (GVR – sàn HOSE) sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2022. Cổ tức được trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 3,5%, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 350 đồng và với khối lượng 4 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam sẽ phải chi tương ứng 1.400 tỷ đồng để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Về kết quả kinh doanh, theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2023 mới công bố, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ghi nhận doanh thu đạt 6.199,5 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán tăng 16,26%, nên lợi nhuận gộp trong kỳ đã giảm 21,89% về còn 1.234,5 tỷ đồng.

Lãi ròng 9 tháng lập đỉnh, BMP sắp chi hơn 532 tỷ tạm ứng cổ tức đợt 1/2023

HDQT CTCP Nhựa Bình Minh (HOSE: BMP) vừa ra nghị quyết tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền với tỷ lệ 65% (tương đương 1 cp được nhận 6,500 đồng). Với gần 81.9 triệu cp đang lưu hành, ước tính BMP cần chi hơn 532 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Thời gian chi trả dự kiến trong tháng 12/2023. Nghị quyết không nói rõ ngày đăng ký cuối cùng để chốt cổ tức. Doanh thu quý 3/2023 của BMP giảm so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng trên thị trường chung giảm, đồng thời mùa mưa diễn ra trong quý làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng.

May Việt Tiến giảm 12% lãi ròng quý 3

Tổng CTCP May Việt Tiến (UPCoM: VGG) chứng kiến lãi ròng quý 3/2023 bị kéo lùi 12% so với cùng kỳ, còn 52 tỷ đồng, dù doanh thu tăng 18%. Quý 3/2023, May Việt Tiến đạt hơn 2,264 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 18% so với cùng kỳ. Nhưng giá vốn tăng mạnh hơn, kéo lãi gộp giảm 15% còn 209 tỷ đồng, biên lãi gộp giảm từ 13% xuống 9%. Sau khi trừ chi phí, Công ty lãi ròng gần 52 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, VGG ghi nhận doanh thu thuần khoảng 6,389 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ, nhưng lãi trước thuế lại giảm 4% còn 159 tỷ đồng, cùng thực hiện được 80% kế hoạch năm. Lãi ròng hơn 128 tỷ đồng, giảm 5%.

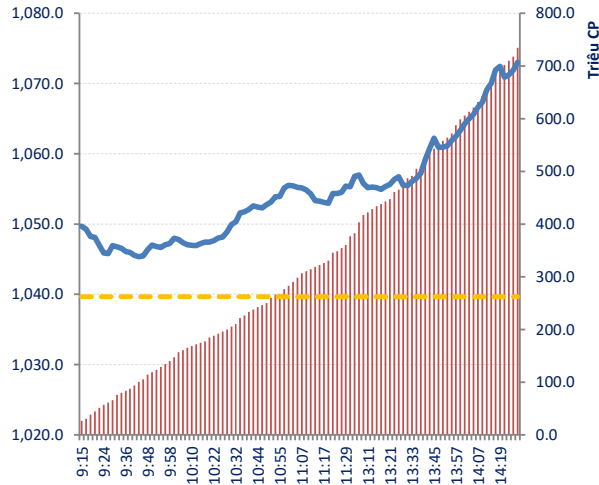
ITA lãi ròng quý 3 gấp 3 lần nhưng 9 tháng vẫn đi lùi

Nhờ doanh thu cho thuê đất tăng mạnh, CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (HOSE: ITA) báo lãi ròng quý 3/2023 gấp 3.2 lần cùng kỳ với 77 tỷ đồng. Cụ thể, doanh thu thuần của ITA trong kỳ đạt hơn 181 tỷ đồng, gấp 2.1 lần so với cùng kỳ. ITA cho biết doanh thu tăng cao là do ghi nhận doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng trong KCN Tân Đức theo hợp đồng thuê lại đất đã phát sinh trước năm 2022. Nhờ doanh thu tăng đột biến, sau khi trừ đi chi phí, ITA lãi ròng 77 tỷ đồng, gấp 3.2 lần so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lũy kế 9 tháng đầu năm, ITA chỉ lãi ròng 113 tỷ đồng, giảm 25%. Công ty cho rằng việc kết quả 9 tháng suy giảm là do ảnh hưởng từ thông tin mở thủ tục phá sản được lan truyền dù Công ty không nhận được tổng đạt chính thức từ Tòa án.

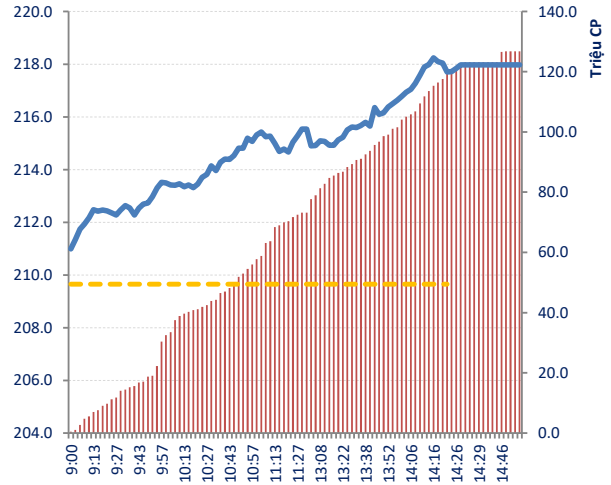


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

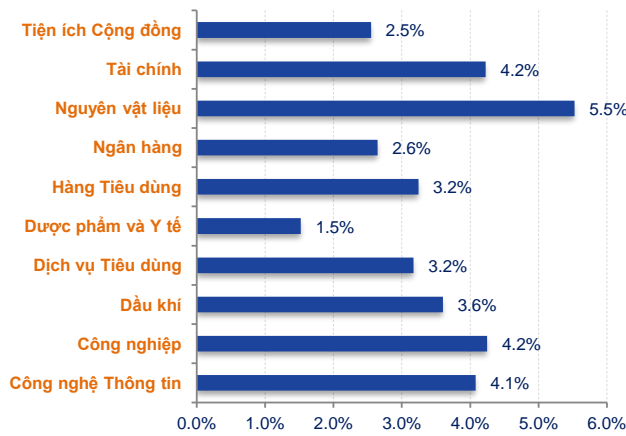
KLGD và VN-Index trong phiên



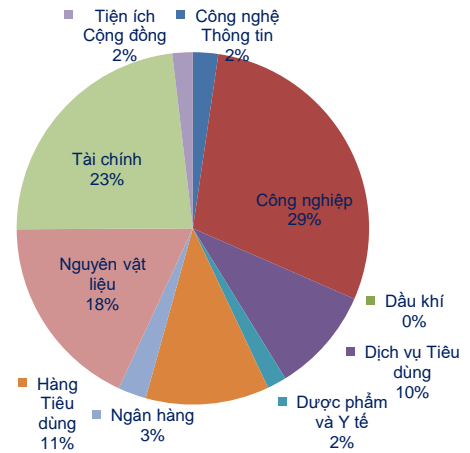
KLGD và HNX-Index trong phiên



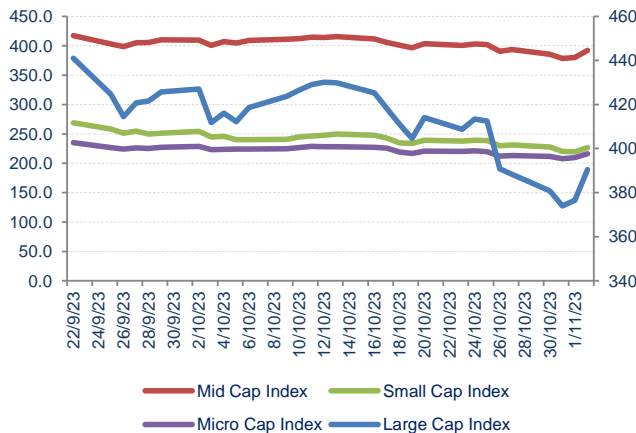
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



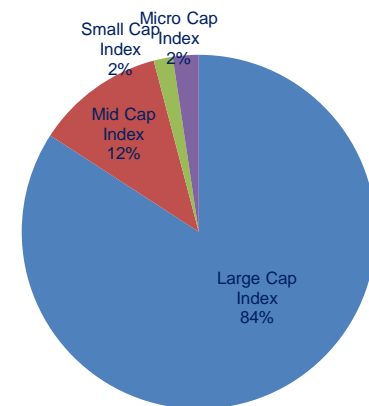
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	3,015,509	MWG	8,097,300	1	SHS	8,553,100	CEO	171,600
2	PDR	1,702,400	VHM	2,672,015	2	PVS	860,400	MBS	57,640
3	VCG	1,590,900	VRE	2,583,200	3	IDC	420,800	HUT	54,500
4	TCB	1,494,600	HDB	2,574,969	4	TNG	168,704	NVB	43,600
5	DXG	1,402,700	FUEVFVND	990,700	5	VIG	82,600	TVD	27,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	12.80	13.65	↑ 6.64%	34,207,000	SHS	14.10	15.40	↑ 9.22%	44,539,188
SSI	27.15	28.90	↑ 6.45%	27,830,700	CEO	20.20	22.10	↑ 9.41%	18,154,138
HPG	23.95	25.25	↑ 5.43%	27,571,800	HUT	17.50	18.70	↑ 6.86%	10,712,002
DIG	20.60	22.00	↑ 6.80%	26,247,800	MBS	17.30	18.60	↑ 7.51%	5,499,914
NVL	13.10	14.00	↑ 6.87%	26,180,000	PVS	33.80	35.10	↑ 3.85%	5,272,924

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DRH	4.00	4.28	0.28	↑ 7.00%	VNT	60.00	66.00	6.00	↑ 10.00%
SCR	6.00	6.42	0.42	↑ 7.00%	PMS	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
VRC	7.15	7.65	0.50	↑ 6.99%	C69	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
BCG	7.44	7.96	0.52	↑ 6.99%	AAV	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
CTS	20.75	22.20	1.45	↑ 6.99%	DTD	19.20	21.10	1.90	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SC5	20.90	19.45	-1.45	↓ -6.94%	VCM	17.40	15.70	-1.70	↓ -9.77%
STG	48.50	45.20	-3.30	↓ -6.80%	VLA	27.80	25.10	-2.70	↓ -9.71%
FDC	11.40	10.65	-0.75	↓ -6.58%	MCC	12.10	11.00	-1.10	↓ -9.09%
BTT	31.50	29.50	-2.00	↓ -6.35%	L62	3.50	3.20	-0.30	↓ -8.57%
PGI	25.50	24.00	-1.50	↓ -5.88%	TFC	7.00	6.40	-0.60	↓ -8.57%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	34,207,000	8.2%	1,005	13.6	1.1
SSI	27,830,700	8.9%	1,346	21.5	1.9
HPG	27,571,800	1.9%	322	78.5	1.5
DIG	26,247,800	1.4%	182	121.0	1.7
NVL	26,180,000	-1.4%	(309)	-	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	44,539,188	5.4%	643	23.9	1.2
CEO	18,154,138	6.7%	955	23.1	1.8
HUT	10,712,002	0.8%	122	153.6	1.5
MBS	5,499,914	10.4%	1,104	16.8	1.7
PVS	5,272,924	6.7%	1,846	19.0	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	↑ 7.0%	-2.1%	(272)	-	0.3
SCR	↑ 7.0%	-1.7%	(221)	-	0.5
VRC	↑ 7.0%	1.3%	331	23.1	0.3
BCG	↑ 7.0%	-0.4%	(117)	-	0.3
CTS	↑ 7.0%	7.9%	1,020	21.8	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 10.0%	-8.4%	(1,199)	-	4.9
PMS	↑ 10.0%	15.7%	3,516	7.8	1.2
C69	↑ 10.0%	2.1%	256	25.8	0.5
AAV	↑ 10.0%	-2.2%	(260)	-	0.4
DTD	↑ 9.9%	17.8%	4,005	5.3	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	3,015,509	1.9%	322	78.5	1.5
PDR	1,702,400	1.6%	200	112.1	1.7
VCG	1,590,900	2.8%	516	40.9	1.1
TCB	1,494,600	14.2%	4,864	6.0	0.8
DXG	1,402,700	-2.0%	(456)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	8,553,100	5.4%	643	23.9	1.2
PVS	860,400	6.7%	1,846	19.0	1.3
IDC	420,800	17.0%	3,177	14.3	2.7
TNG	168,704	13.4%	1,776	10.5	1.2
VIG	82,600	6.8%	501	13.6	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	497,429	22.6%	6,013	14.8	3.1
BID	210,688	17.6%	3,887	10.7	1.8
GAS	181,902	19.0%	5,283	15.0	2.9
VHM	173,957	25.0%	9,468	4.2	1.0
VPB	161,059	9.7%	1,522	13.3	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,777	6.7%	1,846	19.0	1.3
HUT	16,690	0.8%	122	153.6	1.5
IDC	14,982	17.0%	3,177	14.3	2.7
THD	13,860	2.9%	460	78.3	2.3
SHS	12,523	5.4%	643	23.9	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

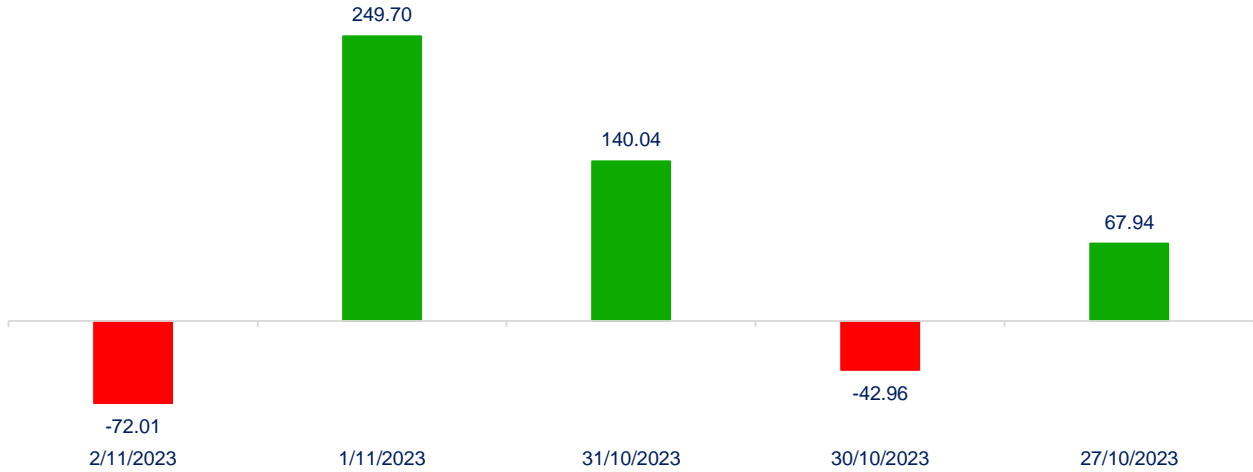
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.91	-0.2%	(32)	-	0.6
MHC	3.13	14.1%	1,794	4.7	0.6
PTL	2.84	-14.6%	(712)	-	0.8
VPH	2.81	-2.0%	(218)	-	0.7
LGL	2.80	6.0%	786	5.1	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

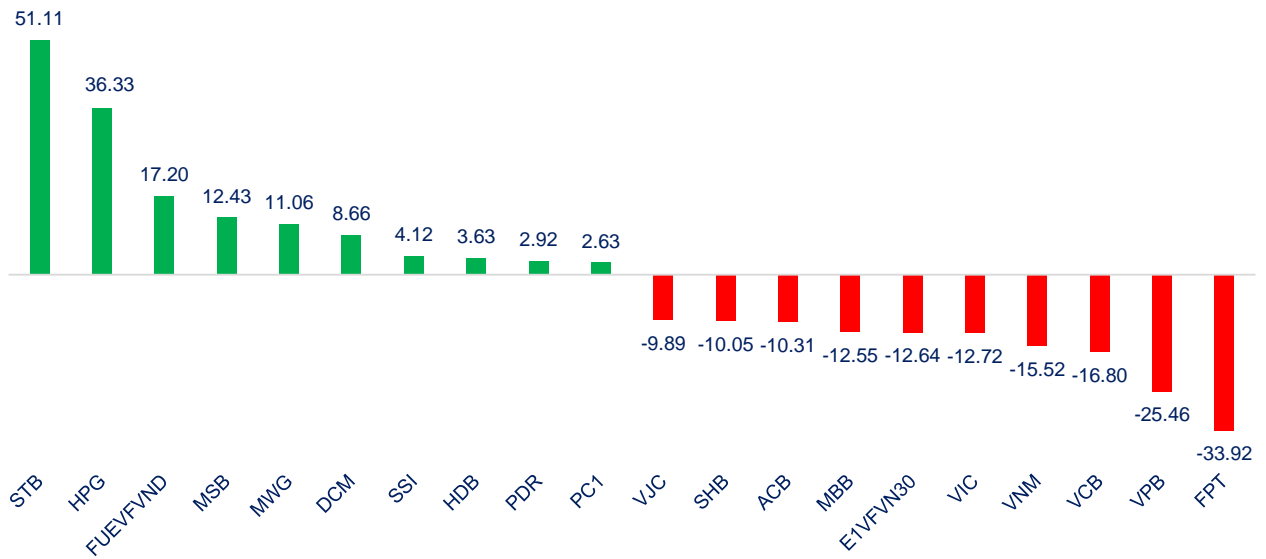
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	2.73	2.2%	305	29.9	0.7
CMS	2.68	1.6%	198	102.1	1.4
FID	2.55	-0.6%	(69)	-	0.2
MST	2.40	7.8%	891	5.5	0.4
AAV	2.32	-2.2%	(260)	-	0.4



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn